

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 13/2025/DS-ST
Ngày 21 tháng 4 năm 2025
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Cảnh Toàn**.

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Lam** và ông **Y Míp Niê**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Hạnh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa: Ông **Triệu Chung Thắng** – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 192/2024/TLST-DS ngày 25/11/2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-DS ngày 11/3/2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 09/2025/QĐST-DS ngày 31/3/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Phan Lê T**.

Địa chỉ: số 4 – đường H – phường A – thị xã B – tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Bị đơn: Ông **Trần Ngọc Thái S**, bà **Nguyễn Thị H**.

Địa chỉ: Buôn Đ (Buôn A) – xã Đ – huyện K – tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn ông **Phan Lê T** trình bày: Ngày 19/8/2019, tôi có cho bà **Nguyễn Thị H** mượn 30.000.000 đồng và hẹn hai ngày sau sẽ trả lại nhưng đến nay vẫn không trả. Ngày 15/5/2020, vợ chồng bà H có mượn thêm của tôi 100.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng và hẹn đến ngày 25/5/2020 trả lại nhưng đến nay vẫn không trả.

Nay tôi làm đơn khởi kiện này yêu cầu vợ chồng bà **Nguyễn Thị H**, ông **Trần Ngọc Thái S** phải trả số tiền nợ gốc là 130.000.000 đồng và tiền lãi cụ thể là:

+ Món vay 30.000.000 đồng tiền gốc + tiền lãi tính từ ngày 19/8/2019 đến ngày 01/11/2024 với lãi suất theo quy định cho phép là 20%/ năm tương đương số tiền là 31.725.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 61.725.000 đồng.

+ Món vay 100.000.000 đồng tiền gốc + tiền lãi tính từ ngày 15/5/2020 đến ngày 01/11/2024 với lãi suất theo quy định cho phép là 20%/ năm tương đương số tiền là 90.183.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 190.183.000 đồng.

Tổng số tiền cả gốc và lãi của 2 món vay là 251.908.000 đồng. Tuy nhiên, vào ngày 31/01/2024 thì bà H có chuyển trả cho tôi 10.000.000 đồng tiền lãi. Vậy sau khi đã trừ ra số tiền bà Hương đã chuyển trả cho tôi, số tiền bà H và ông S còn phải trả cho tôi là 241.908.000 đồng.

- Tại bản tự khai, bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Công nhận ngày 19/8/2019 tôi có vay của anh Phan Lê T số tiền là 30.000.000 đồng, đến ngày 15/5/2020 vợ chồng tôi tiếp tục vay thêm 100.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng và có hạn đến ngày 25/5/2020 sẽ trả.

Tháng 3/2024, tôi có trả được cho ông Phan Lê T số tiền 10.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền gốc vợ chồng tôi còn nợ lại ông Phan Lê T là 120.000.000 đồng và lãi suất theo lãi suất ngân hàng.

Đối với bị đơn ông Trần Ngọc Thái S đã được tiến hành thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phan Lê T vẫn giữ nguyên nội dung, yêu cầu như đơn khởi kiện. Bị đơn ông Trần Ngọc Thái S, bà Nguyễn Thị H vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng phát biểu:

Về tố tụng: Toà án đã thụ lý đúng thẩm quyền, xác định quan hệ đúng pháp luật, tư cách người tham gia tố tụng cũng như việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia phiên tòa đều đảm bảo, đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 91, 92 và khoản 1 Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự để chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Lê T. Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Trần Ngọc Thái S trả cho ông Phan Lê T số tiền bao gồm cả gốc và lãi đã được tính theo quy định là 197.315.068 đồng. Không chấp nhận yêu cầu về số tiền 44.592.932 đồng đối với lãi suất không đúng theo quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Ngọc Thái S phải chịu án phí theo quy định tương ứng với số tiền 197.315.068 đồng; Ông Phan Lê T phải chịu án phí theo quy định tương ứng với số tiền 44.592.932 đồng không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau :

[1] Về tố tụng.

[1.1] Quan hệ tranh chấp: Tại đơn khởi kiện ngày 01/11/2024, ông Phan Lê T khởi kiện bà Nguyễn Thị H, ông Trần Ngọc Thái S về việc hoàn trả số tiền nợ đã vay và lãi suất. Quan hệ tranh chấp được xác định là tranh chấp hợp đồng dân sự (tranh chấp về hợp đồng vay tài sản), quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

[1.2] Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Nguyễn Thị H, ông Trần Ngọc Thái S có địa chỉ tại Buôn Đ – xã Đ – huyện Krông Năng nên ông Phan Lê Tuấn đã làm đơn khởi kiện. Vụ án được Toà án nhân dân huyện Krông Năng thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 BLTTDS.

[1.3] Bị đơn bà Nguyễn Thị H, ông Trần Ngọc Thái S mặc dù đã được Tòa án tiến hành thủ tục tố tụng nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp.

[2.1] Đối với số tiền nợ gốc: Ngày 19/8/2019, bà Nguyễn Thị H có vay của ông Phan Lê T số tiền 30.000.000 đồng. Việc vay tiền được lập “Giấy vay tiền” và ông Phan Lê T (bên giao) cùng bà Nguyễn Thị H (bên nhận) đã ký nhận.

Ngày 15/5/2020, bà Nguyễn Thị H và ông Trần Ngọc Thái S vay tiếp của ông Phan Lê T số tiền 100.000.000 đồng. Việc vay tiền được lập “Giấy vay/ mượn tiền cá nhân” và bà Nguyễn Thị H, ông Trần Ngọc Thái S (bên vay) đã ký nhận.

Như vậy, việc vay tiền ngày 19/8/2019 với số tiền 30.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị H và vay tiền ngày 15/5/2020 với số tiền 100.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị H, ông Trần Ngọc Thái S là có thật. Được thể hiện qua văn bản, có chữ ký, chữ viết của bà H, ông S cũng như sự thừa nhận của bà Nguyễn Thị H.

Tại “Giấy vay tiền” ngày 19/8/2019 thì thỏa thuận là sau 02 ngày, bà H có nghĩa vụ hoàn trả số tiền đã vay. Tại “Giấy vay/ mượn tiền cá nhân” ngày 15/5/2020, thì thời điểm thanh toán nợ gốc là ngày 25/5/2020. Như vậy, bà Nguyễn Thị H, ông Trần Ngọc Thái S đã vi phạm về nghĩa vụ trả nợ của bên vay và việc khởi kiện của ông Phan Lê T là có căn cứ, cần chấp nhận để buộc bà Nguyễn Thị H, ông Trần Ngọc Thái S phải trả số tiền gốc nợ vay là 130.000.000 đồng.

[2.2] Đối với tiền lãi: Đối với “Giấy vay tiền” ngày 19/8/2019 của số tiền vay 30.000.000 đồng mặc dù không thể hiện về lãi suất nhưng quá trình làm việc, bà Nguyễn Thị H thừa nhận có lãi và được tính mức lãi suất theo quy định.

Tại mục 2 của “Giấy vay/ mượn tiền cá nhân” ngày 15/5/2020 của số tiền vay 100.000.000 đồng, về mức lãi suất thì theo thỏa thuận giữa hai bên.

Việc vay tiền của bà Nguyễn Thị H, ông Trần Ngọc Thái S với ông Phan Lê T là có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất. Quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa, ông Phan Lê T đề nghị tính mức lãi suất là 20%/năm từ ngày vay, bà Nguyễn Thị H đề nghị tính lãi theo quy định của pháp luật.

Việc vay tiền của bà H, ông S với ông T qua các đợt là có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn (20%/năm) là 10%/năm, cụ thể:

+ Lãi suất của số tiền vay 30.000.000 đồng vào ngày 19/8/2019 được tính là: 30.000.000 đồng x 10%/năm x 05 năm 08 tháng 02 ngày (từ ngày 19/8/2019 đến ngày xét xử 21/4/2025) = 17.016.438 đồng.

+ Lãi suất của số tiền vay 100.000.000 đồng vào ngày 15/5/2020 được tính là: 100.000.000 đồng x 10%/năm x 04 năm 11 tháng 06 ngày (từ ngày 15/5/2020 đến ngày xét xử 21/4/2025) = 49.331.048 đồng.

[2.3] Như vậy, bà Nguyễn Thị H và ông Trần Ngọc Thái S phải trả cho ông Phan Lê T số tiền nợ gốc và nợ lãi đã vay qua các đợt đã được tính là: (30.000.000 đồng gốc + 17.016.438 đồng lãi = 47.016.438 đồng) + (100.000.000 đồng gốc + 49.331.048 đồng lãi = 149.331.048) = 196.347.486 đồng (làm tròn số 196.347.000 đồng).

Công nhận bà Nguyễn Thị H, ông Trần Ngọc Thái S đã trả số tiền 10.000.000 đồng (lãi suất) cho ông Phan Lê T, số tiền còn nợ lại là: 186.347.000 đồng.

[3] Về yêu cầu tính lãi suất với số tiền 45.560.514 đồng là vượt quá mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự nên không được chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị H, ông Trần Ngọc Thái S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm sau khi đã được tính là 9.317.350 đồng (làm tròn số 9.317.000 đồng)

Nguyên đơn ông Phan Lê T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền không được chấp nhận sau khi đã được tính là 2.278.000 đồng.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 463; Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Lê T.

Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Trần Ngọc Thái S phải trả cho ông Phan Lê T số tiền nợ gốc và lãi là 186.347.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

2. Không chấp nhận về yêu cầu của nguyên đơn ông Phan Lê T đối với số tiền về lãi suất 45.560.514 đồng.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H, ông Trần Ngọc Thái S phải chịu 9.317.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phan Lê T phải chịu 2.278.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 1.682.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0011930 ngày 14/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng. Ông Phan Lê T phải nộp tiếp 596.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS Krông Năng;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VPTA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Cảnh Toàn